

Bản án số: **15/2021/DS -PT**

Ngày 14 - 6 - 2021

V/v: Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài
sản do người chết để lại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt

Ông Nguyễn Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 01 tháng 3 và 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân
dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ
lý số 59/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc " *Tranh chấp thực
hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST, ngày 11/11/2020 của Tòa án
nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT, ngày
15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Thu H**, sinh năm 1979;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Đình C, sinh năm
1952.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn A, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H, ông C có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn: Anh **Lương Châu T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Quyết Tiến, Phân trại số 2).

(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà I, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ngày 12/12/2018 chị có cho ông Lương Hồng E, sinh năm 1964, trú tại thôn Đ, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (là bố đẻ anh Lương Châu T) vay số tiền 57.000.000đ (*Năm mươi bảy triệu đồng*), mục đích vay để mua ô tô, thời hạn vay từ ngày 12/12/2018 đến 01/3/2019, nếu ông E trả nợ không đúng thời hạn thì phải trả lãi cho chị là 1.000đ/triệu/ngày (*Một nghìn đồng/một triệu/ một ngày*), tính ra là 3%/tháng. Hai bên có lập Giấy biên nhận kiêm vay tiền ngày 12/12/2018, chữ viết trong Giấy biên nhận này do chị viết, còn ông E ký và ghi họ tên tại mục bên vay, do ông E bị tai biến liệt tay bên phải nên ông E ký và viết tên bằng tay trái. Hai bên giao nhận tiền tại nhà chị. Khi cho vay tiền có anh Bùi Văn L, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố Q, thị trấn A, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, là hàng xóm với chị chứng kiến việc vay tiền. Ngoài ra còn có bà Nguyễn Thị N, trú tại tổ dân phố Q, thị trấn A, huyện S là mẹ anh L chứng kiến việc vay tiền. Khoản vay 57.000.000 đồng tính lãi đến ngày 11/11/2020 là 72.061.926 đồng (*Bảy mươi hai triệu, không trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*).

Tiếp đến ngày 15/12/2018 ông Lương Hồng E vay thêm của chị 03 (ba) chỉ vàng 9999 (bốn số chín), thời hạn vay từ ngày 15/12/2018 đến 01/3/2019, nếu ông E trả nợ không đúng thời hạn thì phải trả lãi cho chị là 1.000đ/triệu/ngày (*Một nghìn đồng/một triệu/một ngày*). Hai bên có lập Giấy biên nhận kiêm vay tiền ngày 15/12/2018, chữ viết trong Giấy biên nhận này cũng do chị viết, còn ông E ký và ghi họ tên tại mục bên vay. Khi vay có chị Ngô Thị Hằng U, sinh năm 1980 hiện trú tại tập thể Công ty cổ phần chè Tân Trào, huyện S là em gái ruột chị chứng kiến. Chị xác định 03 (ba) chỉ vàng 9999 (bốn số chín) theo giá vàng ngày 10/11/2020 là 5.680.000 đồng/01 chỉ (*Năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng một chỉ*), không yêu cầu tính lãi của 03 chỉ vàng này mà tính theo giá trị vàng hiện tại.

Sự việc sau đó vào ngày 23/8/2019 ông Lương Hồng E chết, ông E chưa trả các khoản vay nêu trên (cả gốc và lãi) cho chị. Ông E có để lại một chiếc xe ô tô Ford Ecosport 2018, biển kiểm soát 22A-09035 đăng ký chủ sở hữu là ông Lương Hồng E, chiếc xe này hiện do anh Lương Châu T đang quản lý, sử dụng. Vì vậy, chị khởi kiện đối với anh Lương Châu T, yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Lương Hồng E, trả cho chị số tiền tổng cộng là: 57.000.000 đồng (nợ gốc) + 72.061.926 đồng (tiền lãi) + 17.040.000 đồng (03 chỉ vàng giá hiện tại) = 146.101.926 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm linh một nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*).

Chị chỉ yêu cầu anh Lương Châu T trả số tiền này, ngoài ra không yêu cầu ai khác trả tiền cùng anh T vì anh T hiện đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô Ford Ecosport 2018, biển kiểm soát 22A-09035, là di sản của ông Lương Hồng E để lại.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Châu T trình bày:

Anh là con ruột của ông Lương Hồng E, sinh năm 1964 với bà I, sinh năm 1966, cùng trú tại thôn Đ, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, nhưng bố mẹ anh đã ly hôn từ năm 2016.

Ngày 23/8/2019 bố anh là ông Lương Hồng E chết, không để lại di chúc. Người thân thích của ông Lương Hồng E thuộc hàng thừa kế thứ nhất chỉ có anh, bà nội anh là Nguyễn Thị M, sinh năm 1940, trú tại thôn C, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nhưng bà đã chết vào ngày 14/6/2020, ngoài ra còn có chị gái anh là Lương Thị Kim P, sinh năm 1988 đã lấy chồng và định cư tại Đài Loan, anh cũng không có địa chỉ cụ thể. Anh xác định di sản do ông Lương Hồng E để lại bao gồm: Một chiếc xe ô tô Ford Ecosport 2018, biển kiểm soát 22A-09035, chiếc xe này do ông E mua trả góp, khi mua xe mới trả được 180.000.000 đồng, hiện còn nợ 360.000.000 đồng; và quyền sử dụng diện tích đất 651,7m² tại thửa số 145, tờ bản đồ số 22 thôn Đ, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông E với bà Hoa, trên đất có 02 nhà xây ba tầng, xây năm 2001 và 2009. Di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông E nêu trên thì hiện nay phần của ông E do anh quản lý, còn phần của bà Hoa thì do bà Hoa trực tiếp quản lý, sử dụng; chiếc xe ô tô Ford Ecosport 2018, biển kiểm soát 22A-09035 là tài sản riêng của ông E, hiện cũng do anh quản lý, sử dụng. Bà nội anh là Nguyễn Thị M và chị gái anh là Lương Thị Kim P không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thu H, vì không quản lý di sản của ông E để lại.

Anh T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì anh xác định bố anh không vay số tiền này, anh T và ông E cùng làm thủ tục khi mua xe nên anh biết ông E không vay tiền của chị H để mua xe ô tô.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà I trình bày:

Bà là vợ cũ của ông Lương Hồng E, sinh năm 1964 trú tại thôn Đ, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đã ly hôn năm 2016, nhưng chưa phân chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 23/8/2019 ông Lương Hồng E chết, không để lại di chúc.

Di sản do ông Lương Hồng E để lại bao gồm: Một chiếc xe ô tô Ford Ecosport 2018, biển kiểm soát 22A-09035 và quyền sử dụng diện tích đất 651,7m² tại thửa số 145, tờ bản đồ số 22 thôn Đ, xã O, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà với ông E, trên đất có 02 nhà xây ba tầng, xây năm 2001 và 2009.

Bà xác định di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông E nêu trên hiện nay phần của ông E do anh Lương Châu T quản lý, còn phần của bà thì bà trực tiếp quản lý, sử dụng; còn chiếc xe ô tô Ford Ecosport 2018, biển

kiểm soát 22A-09035 do ông E mua sau khi ông bà ly hôn, là tài sản riêng của ông E, hiện cũng do anh T quản lý, sử dụng, bà không liên quan đến chiếc xe này.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; 39, 147, 161, 162, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 615, 616, 617 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn anh Lương Châu T trả số tiền 146.101.926 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm linh một nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/11/2020 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST, ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện S với lý do bản án sơ thẩm vi phạm các quy định về thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, việc đánh giá chứng cứ chưa khách quan, triệu tập người tham gia tố tụng không đúng quy định, diễn biến của vụ án không được thể hiện trong bản án, Hội đồng xét xử bỏ qua các chứng cứ cần phải làm rõ; quyết định của bản án sơ thẩm không khách quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy bản án sơ thẩm; buộc người hưởng thừa kế hợp pháp tài sản của ông Lương Hồng E phải thực hiện di nguyện của ông Lương Hồng E theo nội dung ghi trong hai giấy biên nhận kiêm vay tiền ngày 12/12/2018 và ngày 15/12/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/3/2021, nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định trung cầu giám định lại các tài liệu chứng cứ đã cung cấp trước đó gồm: Giấy biên nhận kiêm vay tiền ngày 12/12/2018 ghi tên người vay Lương Hồng E số tiền vay 57.000.000 đồng (Bút lục số 08) và Giấy biên nhận kiêm vay tiền ngày 15/12/2018 ghi tên người vay Lương Hồng E số tiền vay 03 chỉ vàng 9999 (Bút lục số 09).

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/6/2021 nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không nhất trí kết quả giám định lại của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an và đề nghị Tòa án buộc anh Lương Châu T phải thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Lương Hồng E, trả cho chị Ngô Thị Thu H số tiền tính đến ngày xét xử phúc thẩm tổng cộng là: 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Sơn Dương. Về án phí và chi phí giám định: Chị Ngô Thị Thu H phải chịu án phí và chi phí giám định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/11/2020 chị Ngô Thị Thu H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST, ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện S. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, như vậy, việc kháng cáo của chị Ngô Thị Thu H là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Lương Châu T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà I có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của anh T, bà Hoa không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Lương Hồng E chết không để lại di chúc và di sản của ông E chưa chia thừa kế, theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế của ông E gồm anh Lương Châu T, chị Lương Thị Kim P và mẹ ông E là cụ Nguyễn Thị M (đã chết vào ngày 14/6/2020) là đúng quy định của pháp luật. Cụ M và chị P đều không quản lý di sản của ông Lương Hồng E, nên chị Ngô Thị Thu H khởi kiện đối với anh Lương Châu T là đúng đối tượng khởi kiện.

[2.2] Tại Kết luận giám định số 606/GĐ-KTHS ngày 12/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xác định chữ ký và chữ viết trong các giấy nhận nợ ngày 12/12/2018 (Bút lục số 08) và ngày 15/12/2018 (Bút lục số 09). đều không phải do ông Lương Hồng E viết.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H tiếp tục giữ nguyên nội dung kháng cáo, không nêu ra và bổ sung chứng cứ, tài liệu mới so với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm, đề nghị HĐXX tiến hành giám định lại chữ ký và chữ viết ghi tên người vay Lương Hồng E tại giấy nhận nợ ngày 12/12/2018 và ngày 15/12/2018. Tại Kết luận giám định số 69/C09-P5 ngày 12/5/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, xác định: “Chữ ký và chữ viết đứng tên Lương Hồng E dưới mục “BÊN VAY” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Lương Hồng E trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 không phải do cùng một người viết ra”.

[2.3] Đối với những người làm chứng là anh Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị N và chị Ngô Thị Hồng U, HĐXX thấy rằng: Anh Bùi Văn L, chị Ngô Thị Thu H đều thừa nhận anh Long chỉ ký vào giấy vay tiền, không được chứng kiến việc chị H đưa tiền cho ông E (BL213), bà Nguyễn Thị N được nghe nói ông E vay tiền của chị H nhưng bà Thìn không được ký cũng không được chứng kiến việc chị H đưa tiền cho ông E (BL212). Đối với chị Ngô Thị Hồng U là người ký làm chứng việc ông E vay 03 chỉ vàng của chị H, do chị U là em gái ruột của chị H nên việc chứng kiến này là không khách quan.

Từ các phân tích trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thu H về việc yêu cầu anh Lương Châu T phải trả số tiền 146.101.926 đồng là không có căn cứ, kháng cáo của chị Ngô Thị Thu H là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S.

[3] Về chi phí giám định: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, chị H đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên chị Ngô Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Sơn Dương như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn anh Lương Châu T trả số tiền 146.101.926 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm linh một nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*).

2. Về chi phí giám định: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thu H phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*) tiền chi phí giám định, chị H đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Ngô Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0003699 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang, chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2021).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Hồng Thắng

